

Bản án số: 27/2023/DSST

Ngày: 20/4/2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Trinh
Ông Lê Truyền Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Tới - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ly Na - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/4/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 277/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34B/2023/QĐST-DS, ngày 31/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; Địa chỉ: Số 22 Ngô Quyền, phường T, quận K, TP Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật. Ông Nguyễn Đình L - Chức vụ Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo ủy quyền. Ông Mai Xuân T - Chức vụ Giám đốc khối Quản lý và tái cấu trúc tài sản (Theo giấy ủy quyền số 1077LUQ-PVB ngày 10/6/2020), ông T ủy quyền cho ông Hoàng Thế Q hoặc ông Phạm Minh H hoặc ông Nguyễn Văn L hoặc ông Nguyễn Văn P; Cùng địa chỉ: Số 02 đường 40 tháng 4, phường B, quận H, TP Đà Nẵng tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền 22032/UQ-PVB ngày 08/11/2022) (ông H và ông L có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Đình T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ 03, phường T, quận H, TP Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn như sau:

Để phục vụ mục đích tiêu dùng, ngày 30/12/2016 ông Huỳnh Đình T đã ký kết Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 230/2016/HĐTD/PVB-CNĐN với Ngân hàng TMCP Đ, với các nội dung cụ thể: Số tiền vay: 100.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay tiêu dùng; Thời hạn cho vay: 60 tháng; Lãi suất trong hạn: 13,7%/năm; sau đó lãi suất cho vay được thay đổi từ tháng thứ 4 đến hết thời hạn

khoản vay = LS13 + biên độ 6%/năm; kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm.

Thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức nhận tiền mặt số tiền 100.000.000 đồng cho ông Huỳnh Đình T theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/12/2016. Quá trình thực hiện hàng tháng ông Huỳnh Đình T đã thực hiện việc thanh toán nợ cho PVcomBank. Tính đến nay, ông Huỳnh Đình T đã thanh toán cho PVcomBank số tiền là 106.842.786 đồng (Trong đó, nợ gốc: 69.963.000 đồng; Nợ lãi và lãi phạt chậm trả 36.879.786 đồng). Tuy nhiên, kể từ kỳ trả nợ ngày 31/03/2020 ông Huỳnh Đình T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo đó, dư nợ tạm tính từ ngày 29/02/2020 đến hết ngày 19/4/2023 là 52.731.553 đồng (Trong đó nợ gốc: 30.037.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 5.000.458 đồng, lãi quá hạn: 15.073.359 đồng; lãi chậm trả: 2.620.736 đồng). Để giải quyết khoản nợ nêu trên, ngân hàng đã nhiều lần gửi văn bản đề nghị ông Huỳnh Đình T thực hiện thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, đồng thời trực tiếp đến địa chỉ đăng ký cư trú của ông Huỳnh Đình T để liên hệ làm việc. Tuy nhiên, ông Huỳnh Đình T vẫn không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Huỳnh Đình T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tính đến hết ngày 19/4/2023 là 52.731.553 đồng (Trong đó nợ gốc: 30.037.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 5.000.458 đồng, lãi quá hạn: 15.073.359 đồng; lãi chậm trả: 2.620.736 đồng) và phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 230/2016/HĐTD/PVB-CNĐN ngày 30/12/2016 kể từ ngày 20/4/2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

* Bị đơn ông Huỳnh Đình T, mặc dù Tòa án đã gửi thông báo thụ lý nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên hòa giải đúng thủ tục tố tụng và triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án theo Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Đình T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 50.110.817 đồng; Trong đó nợ gốc: 30.037.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.000.458 đồng, lãi quá hạn: 15.073.359 đồng theo quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với tiền lãi chậm trả: 2.620.736 đồng, do lãi suất trong hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/01/2017 nên không được tính lãi chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận số tiền lãi chậm trả nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp pháp luật trong tố tụng dân sự, quan điểm giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo Khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Đình T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 230/2016/HĐTD/PVB-CNĐN, giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Huỳnh Đình T thì ông Huỳnh Đình T vay của Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng; Mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn: 13,7%/năm; sau đó lãi suất cho vay được thay đổi từ tháng thứ 4 đến hết thời hạn khoản vay = $LS_{13} + \text{biên độ } 6\%/năm$; kỳ điều chỉnh lãi suất 03 tháng/lần; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm. Thời hạn trả nợ gốc và lãi hàng tháng chia đều 60 tháng, từ tháng thứ nhất đến tháng thứ 59 mỗi tháng trả tiền gốc 1.667.000 đồng, tháng thứ 60 trả số tiền gốc 1.647.000 đồng.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân bằng hình thức nhận tiền mặt số tiền 100.000.000 đồng cho ông Huỳnh Đình T theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/12/2016. Ông Huỳnh Đình T đã thực hiện việc thanh toán nợ cho ngân hàng đến hết ngày 10/10/2022 là 106.175.786 đồng (Trong đó, nợ gốc: 69.963.000 đồng; Nợ lãi và lãi phạt chậm trả 36.879.786 đồng). Kể từ ngày 29/02/2020 đến nay, ông Huỳnh Đình T không thanh toán thêm bất cứ khoản nợ nào dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông T phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ đến ngày 19/4/2023 là 52.731.553 đồng (Trong đó nợ gốc: 30.037.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 5.000.458 đồng, lãi quá hạn: 15.073.359 đồng; lãi chậm trả: 2.620.736 đồng) và phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi, phí phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp mà các bên đã ký kết, kể từ ngày 20/4/2023 cho đến khi tất toán khoản vay.

[5] Xét yêu cầu của Nguyên đơn thì thấy: Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 230/2016/HĐTD/PVB-CNĐN ngày 30/12/2016 giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Huỳnh Đình T là hợp đồng vay tín chấp trả theo lương không có đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Ngân hàng đã giải ngân số tiền cho ông Huỳnh Đình T vay là 100.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/12/2016. Do đó, xác định ông Huỳnh Đình T có vay của Ngân hàng TMCP Đ số tiền 100.000.000 đồng. Tính từ ngày 29/02/2020 đến hết ngày 19/4/2023 ông Huỳnh Đình T còn nợ Ngân hàng

số tiền gốc: 30.037.000 đồng. Nợ lãi trong hạn: 5.000.458 đồng, lãi quá hạn: 15.073.359 đồng là có căn cứ.

[6] Tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn: Kể từ tháng thứ 4 đến hết thời hạn vay Ngân hàng đã điều chỉnh lãi suất trong hạn bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ, kỳ hạn 13 tháng, tính lãi cuối kỳ tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 6%/năm là 13,99%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn là 20.985%/năm, là có căn cứ theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 39/2016, ngày 30/12/2016, quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu về tiền lãi chậm trả 2.620.736 đồng, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ thời điểm lãi suất trong hợp đồng tín dụng được các bên xác lập vào ngày 30/12/2016, trước ngày 01/01/2017 nên không được tính lãi chậm trả theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

[8] Theo quy định tại tiểu mục 3.1.1, tiểu mục 3.1 Điều 3 của Hợp đồng cho vay và mục 10 phần II của Khế ước nhận nợ thì ông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ, buộc ông Huỳnh Đình T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền 50.110.817 đồng; Trong đó nợ gốc: 30.037.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.000.458 đồng, lãi quá hạn: 15.073.359 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 463; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Ông T còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn và quá hạn phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 230/2016/HĐTD/PVB-CNĐN ngày 30/12/2016 kể từ ngày 20/4/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[9] Về án phí DSST: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ông Huỳnh Đình T phải chịu án phí trên số tiền phải trả 50.110.817 đồng x 5% = 2.505.540 đồng.

[10] Ngân hàng TMCP Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận là 2.620.736 đồng = 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 463, 464, 465, 466, điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP Đ đối với bị đơn ông Huỳnh Đình T.

2. Không chấp nhận cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc ông Huỳnh Đình T phải trả số tiền lãi chậm trả là 2.620.736 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi ngàn bảy trăm ba mươi sáu đồng).

3. Xử: Buộc ông Huỳnh Đình T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền: 50.110.817 đồng (Năm mươi triệu một trăm mười ngàn tám trăm mười bảy đồng); Trong đó nợ gốc: 30.037.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 5.000.458 đồng; lãi quá hạn: 15.073.359 đồng (lãi tính đến ngày 19/4/2023).

Kể từ ngày 20/4/2023 ông Huỳnh Đình T còn phải tiếp tục trả các khoản nợ lãi, bao gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn trên số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay trả góp bằng lương số 230/2016/HĐTD/PVB-CNĐN, ngày 30/12/2016 và Khế ước nhận nợ số 01 ngày 30/12/2016 mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

4. Án phí Dân sự sơ thẩm: 2.505.540 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ năm ngàn năm trăm bốn mươi đồng) ông Huỳnh Đình T phải chịu.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Ngân hàng TMCP Đ phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.220.765 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí còn lại 920.765 đồng (Chín trăm hai mươi ngàn bảy trăm sáu mươi lăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 0006909 ngày 22 tháng 11 năm 2022.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Hải Châu ĐN;
- THA dân sự quận Hải Châu ĐN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lưu Thị Hằng

